

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 273/2017/HS-ST

Ngày: 14-11-2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Hữu Dân

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Lễ - Kiểm sát viên.

Ngày 14/11/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 271/2017/HSST, ngày 27/10/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Hồng P (Tên gọi khác: M) - Sinh năm: 1989, tại: Tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký HKTT: Liên gia B, tổ dân phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Tôn giáo: Phật giáo; Nghề nghiệp: Buôn bán;

Trình độ văn hoá: 12/12; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Con ông: Phạm Sỹ H, sinh năm: 1964 (đã chết); Con bà: Đỗ Thị Tuyết M, sinh năm: 1965. Hiện trú tại: Thôn M, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có chồng là Phạm Đình M, sinh năm: 1982 (đã ly hôn) và có 03 con, lớn nhất sinh năm: 2007, nhỏ nhất sinh năm: 2014. Hiện trú tại: Thôn M, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo hiện đang tại ngoại – Có mặt.

*** Người bị hại:**

1. Ông Võ Tấn D - Sinh năm: 1972 (Có mặt)

2. Bà Hồ Thị N - Sinh năm: 1974 (Có mặt)

Cùng cư trú tại: Đội B, thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Ông Mai Văn L - Sinh năm: 1972 (Có mặt)

4. Bà Võ Thị L - Sinh năm: 1974 (Có mặt)

Cùng cư trú tại: Đội B, thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

5. Bà Dương Thị L - Sinh năm: 1956 (Có mặt)

Cư trú tại: Thôn B, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

6. Bà Bùi Thị Kim P - Sinh năm: 1966 (Có mặt)

Cư trú tại: Đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Thủy Sơn H (T) - Sinh năm: 1995 (Có mặt)

Cư trú tại: Thôn B, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

2. Bà Nguyễn Thị B - Sinh năm: 1980 (Có mặt)

Cư trú tại: Buôn C, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Ông Hồ Văn M - Sinh năm: 1991 (Vắng mặt)

Cư trú tại: Thôn H, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

4. Ông Nguyễn Đình N - Sinh năm 1965 (Vắng mặt)

Cư trú tại: Đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

5. Bà Hoàng Thị T - Sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Cư trú tại: Đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

6. Bà Nguyễn Thị X - Sinh năm 1965 (Vắng mặt)

Cư trú tại: Đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

7. Ông Trần Đình T - Sinh năm: 1975 (Có mặt)

Cư trú tại: Khu H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

8. Ông Hồ Hồng H - Sinh năm 1964 (Vắng mặt)

Cư trú tại: Thôn H, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Phạm Hồng P (M) bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến tháng 3 năm 2013, Phạm Hồng P làm hộ lý tại Khoa mắt Bệnh viện Đại học T, sau đó vi phạm kỷ luật đã bị thôi việc. Do không có công việc làm, lười lao động, để có tiền tiêu xài, P đã nảy sinh ý thức lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn gian dối, tự bịa đặt ra những

thông tin sai sự thật về việc tuyển dụng vào làm việc tại Bệnh viện mắt Tây Nguyên, mạo danh là Trưởng phòng nhân sự của Bệnh Viện, tạo lòng tin cho những người có nhu cầu xin việc làm để những người dân tưởng giả là thật đưa tiền cho P để nhờ xin việc rồi chiếm đoạt. Bằng thủ đoạn này, trong khoảng thời gian từ tháng 02 năm 2014 đến tháng 3 năm 2017, P đã thực hiện 04 vụ chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng tháng 3 năm 2014 thông qua mối quan hệ quen biết với anh Thủy Sơn H, Phạm Hồng P biết được vợ chồng ông Võ Tấn D, bà Hồ Thị N có nhu cầu xin việc làm cho con gái là Võ Thị Bích T, đã tốt nghiệp trung cấp ngành Y khoa. P nói dối với vợ chồng ông D, bà N rằng P là quản lý nhân sự Bệnh viện mắt Tây Nguyên, nếu có nhu cầu xin cho Võ Thị Bích T vào làm việc tại Bệnh viện mắt Tây Nguyên thì P sẽ giúp. Qua trao đổi, P tự đưa ra giá tiền xin việc là 60.000.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn nên ông D, bà L đưa trước số tiền 30.000.000 đồng thì P đồng ý và yêu cầu làm hồ sơ đưa cho P. Ngày 13/3/2014, P hẹn gặp vợ chồng ông D, bà N tại quán cà phê K, địa chỉ: Đường P, thành phố B. Tại đây, P xem hồ sơ và viết giấy nhận của ông D số tiền 30.000.000 đồng cùng với hồ sơ, cam kết với vợ chồng ông D, bà N sau một tháng sẽ có quyết định đi làm. Khoảng vài ngày sau P xuống nhà vợ chồng ông D, bà N, địa chỉ: Đội B, thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, P tiếp tục nói dối ông D đưa tiếp 30.000.000 đồng để đóng tiền cổ phần cho T vào Bệnh viện mắt Tây Nguyên. Mục đích đóng số tiền là để sau này có sai phạm gì thì cũng không bị đuổi việc. Tin tưởng thông tin P đưa ra là có thật nên ông D đồng ý sẽ đưa tiếp cho P số tiền 30.000.000 đồng. Ngày 21/3/2014, bà N đi cùng với con gái Võ Thị Bích T, đến nhà riêng Phạm Hồng P, địa chỉ: Liên gia B, tổ dân phố B, phường T, thành phố B, đưa cho Phạm Hồng P 30.000.000 đồng, do tin tưởng nên bà N không yêu cầu viết giấy biên nhận số tiền trên. Ngoài ra, trong quá trình trao đổi xin việc làm cho Võ Thị Bích T, Phạm Hồng P biết vợ chồng ông D, bà N có nhu cầu làm bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông cho con trai là Võ Tấn C. P đã đưa ra thông tin gian dối có người bạn và sẽ làm được, P tự đưa ra giá tiền làm bằng tốt nghiệp trung học phổ thông là 15.000.000 đồng. Tin tưởng thông tin P đưa ra là có thật nên vào ngày 30/4/2014, P hẹn gặp bà N tại quán cà phê V, trên đường H, thành phố B. Tại đây, P nhận tiếp của bà N số tiền 15.000.000 đồng, do tin tưởng nên bà N không yêu cầu P viết biên nhận số tiền này. Toàn bộ số tiền trên sau khi chiếm đoạt P đã tiêu xài cá nhân, hồ sơ xin việc P đem về nhà cất và đã làm thất lạc, P không có liên hệ với ai để xin việc cho Võ Thị Bích T và làm bằng tốt nghiệp cho Võ Tấn C.

Quá trình điều tra vợ chồng ông Võ Tấn D và bà Hồ Thị N, yêu cầu Phạm Hồng P phải bồi thường số tiền: 75.000.000 đồng (số tiền P chiếm đoạt để xin việc cho Võ Thị Bích T và làm bằng tốt nghiệp trung học phổ thông cho Võ Tấn C).

Vụ thứ hai: Vào khoảng tháng 3 năm 2014, thông qua ông Võ Tấn D giới thiệu, Phạm Hồng P gặp vợ chồng ông Mai Văn L và bà Võ Thị L, qua trao đổi P biết được vợ chồng ông L, bà L có con gái là Mai Thị L, đã tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán - Trường Cao Đẳng Thương Mại Đà Nẵng nhưng chưa xin được

việc làm. P tự bịa đặt ra thông tin Bệnh Viện Mắt Tây Nguyên đang có thông báo tuyển nhân sự, P hiện đang là Trưởng phòng Nhân sự của Bệnh Viện, nếu có nhu cầu xin việc cho Mai Thị L thì làm hồ sơ đưa cho P, sau một tháng sẽ có Quyết định đi làm, chi phí để xin cho Mai Thị L được nhận vào làm kế toán của Bệnh Viện là 60.000.000 đồng. Tin tưởng thông tin P đưa ra là có thật nên vào ngày 23/3/2014, vợ chồng ông L, bà L đã giao cho P số tiền 60.000.000 đồng tại nhà riêng của P, địa chỉ: Liên gia B, tổ dân phố B, phường T, thành phố B và không yêu cầu P viết giấy biên nhận số tiền này; Bộ hồ sơ xin việc cho Mai Thị L, vợ chồng ông L, bà L giao cho P tại quán cà phê T, trên đường P, thành phố B. Sau khi nhận được số tiền 60.000.000 đồng của vợ chồng ông L, bà L thì P tiếp tục nói dối là sẽ xin cho Mai Thị L làm kế toán trưởng của Bệnh Viện, phải đưa thêm cho P số tiền 60.000.000 đồng. Ông L, bà L tin tưởng thông tin do P đưa là có thật nên đã đồng ý nhưng chưa có tiền giao ngay nên hẹn vài ngày sau sẽ giao cho P. Đến ngày 21/4/2014, Phạm Hồng P xuống nhà vợ chồng ông L, bà L, địa chỉ: Đội B, thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, nhận số tiền 30.000.000 đồng; Ngày 27/4/2014, bà L đưa tiếp cho P số tiền 30.000.000 đồng tại nhà riêng của P tại địa chỉ: Liên gia B, tổ dân phố B, phường T, thành phố B. Toàn bộ số tiền trên sau khi chiếm đoạt P đã tiêu xai cá nhân, hồ sơ xin việc P đem về nhà cất và đã làm thất lạc, P không có liên hệ với ai để xin việc cho Mai Thị L.

Quá trình điều tra vợ chồng ông Mai Văn L và bà Võ Thị L, yêu cầu Phạm Hồng P phải bồi thường số tiền: 120.000.000 đồng (số tiền P chiếm đoạt để xin việc cho Mai Thị L).

Vụ thứ ba: Vào khoảng đầu năm 2014, thông qua các mối quan hệ xã hội, Phạm Hồng P gặp bà Dương Thị L tại nhà ông Hồ Hồng H, địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Qua trao đổi, P biết bà Dương Thị L có nhu cầu xin việc làm cho con trai là Nguyễn Văn Đ đã tốt nghiệp ngành Y khoa, Trường Cao Đẳng Lạc Việt, thành phố Đà Nẵng. P nói dối với bà L rằng P là trưởng phòng nhân sự Bệnh viện mắt Tây Nguyên, hiện tại Bệnh viện có nhu cầu tuyển dụng nhân sự, P sẽ xin cho Nguyễn Văn Đ vào làm việc tại bộ phận đón tiếp của Bệnh viện mắt Tây Nguyên, chi phí để Đ được nhận vào làm việc tại Bệnh Viện Mắt Tây Nguyên là 60.000.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn bà L không lo đủ được số tiền này thì P nói nếu khó khăn thì đưa trước cho P số tiền 30.000.000 đồng, số tiền còn lại P cho mượn để nộp, khi nào có tiền thì đưa cho P sau. Bà L tin tưởng thông tin do P đưa ra là có thật nên vào ngày 02/6/2014, bà L nhờ con gái là Nguyễn Thị B đưa cho Phạm Hồng P số tiền 30.000.000 đồng và 01 bộ hồ sơ xin việc tại nhà riêng của P, địa chỉ: Liên gia B, tổ dân phố B, phường T, thành phố B. P viết giấy nhận tiền và cam kết với bà L một tháng sau sẽ có quyết định cho Nguyễn Văn Đ đi làm. Sau đó, P tiếp tục nói dối với bà L là Nguyễn Văn Đ sắp có Quyết định đi làm, phải gửi gấp cho P số tiền 1.500.000 đồng để P đóng tiền bảo hiểm y tế và tiền may đồng phục cho Đ. Tin tưởng thông tin P đưa ra là có thật nên bà L đã nhờ anh Hồ Văn M (con trai ông Hồ Hồng H) giao cho P số tiền: 1.500.000 đồng, tại nhà riêng của P, số tiền này bà L không yêu cầu P viết giấy nhận tiền. Toàn bộ số tiền trên sau khi chiếm đoạt P đã tiêu xai cá nhân, hồ

sơ xin việc P đem về nhà cất và đã làm thất lạc, P không có liên hệ với ai để xin việc cho Nguyễn Văn Đ.

Quá trình điều tra bà Dương Thị L, yêu cầu Phạm Hồng P phải bồi thường số tiền: 31.500.000 đồng (số tiền P chiếm đoạt để xin việc cho Nguyễn Văn Đ).

Vụ thứ tư: Vào khoảng tháng 02 năm 2017, Phạm Hồng P thuê phòng ở tại Nhà nghỉ C, địa chỉ: Đường M, phường T, thành phố B. Tại đây, P làm quen với bà Bùi Thị Kim P (người quản lý Nhà nghỉ C) rồi tự bịa đặt ra các thông tin sai sự thật về việc tuyển dụng người vào làm việc tại Bệnh Viện Mắt Tây Nguyên, P nói dối với bà P rằng P là Bác sĩ chuyên khoa mắt của Bệnh Viện Mắt Tây Nguyên, hiện tại Bệnh Viện đang có tuyển nhân sự vào làm việc tại các bộ phận bảo vệ, lái xe, hộ lý và lễ tân với mức lương là 6.000.000 đồng/tháng, nếu có nhu cầu xin vào làm việc thì P sẽ xin giúp cho, chi phí để được nhận vào làm việc là 1.500.000 đồng/người. Bà P tin tưởng thông tin tuyển dụng làm việc tại Bệnh Viện mắt Tây Nguyên là có thật nên ngày 10/02/2017, bà P đã đưa cho P số tiền 5.500.000 đồng cùng với 04 hồ sơ xin việc để nhờ P xin việc, cụ thể: Bà P và bà Nguyễn Thị X, (người quen của bà P) xin vào làm hộ lý với số tiền đưa cho P là 1.500.000 đồng/ người; Nguyễn Đình N (chồng của bà P) xin vào bảo vệ, số tiền đưa cho P là 1.500.000 đồng; Hoàng Thị T, (con dâu bà P) xin vào làm Lễ tân của Bệnh Viện số tiền đưa cho P là 1.000.000 đồng. Do tin tưởng nên bà P không yêu cầu P viết giấy đã nhận số tiền trên. Ngày 11 tháng 2 năm 2017, bà P đến Bệnh Viện Mắt Tây Nguyên tìm hiểu về thông tin tuyển dụng nhân sự thì biết Phạm Hồng P không phải là Bác sĩ chuyên khoa mắt của Bệnh Viện mắt Tây Nguyên và P cũng không nộp hồ sơ xin việc cho bà P và 03 người khác. Bà P biết đã bị P lừa dối nên đã điện thoại cho P đến Nhà nghỉ C yêu cầu trả lại tiền, P không trả lại được tiền cho bà P nên đã phát sinh mâu thuẫn và được mời về trụ sở Công an phường T, để giải quyết. Tại đây, P viết giấy biên nhận cam kết sẽ trả lại cho bà P số tiền 6.000.000 đồng (trong đó: Số tiền 5.500.000 đồng là tiền P nhận để xin việc làm và 500.000 đồng là tiền P nợ thuê phòng nghỉ). Sau khi chiếm đoạt số tiền 5.500.000 đồng của bà P, P sử dụng tiêu xài cá nhân, hoàn toàn không có liên hệ với ai để xin việc.

Tại bản cáo trạng số 288/KSĐT-HS ngày 27/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Phạm Hồng P (M) về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra bị cáo Phạm Hồng P khai nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 02 năm 2014 đến tháng 3 năm 2017, bị cáo đã thực hiện 04 vụ lừa đảo, bị cáo nói dối bị cáo là Trưởng phòng Nhân sự, là Bác sĩ của Bệnh Viện mắt Tây Nguyên để chiếm đoạt tiền của một số người như sau: Bị cáo đã chiếm đoạt của vợ chồng ông Võ Tấn D, bà Hồ Thị N số tiền 75.000.000 đồng; chiếm đoạt của vợ chồng ông Mai Văn L, bà Võ Thị L số tiền: 120.000.000 đồng; chiếm đoạt của bà Dương Thị L số tiền: 31.500.000 đồng và chiếm đoạt của bà Bùi Thị Kim P số tiền: 5.500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là: 232.000.000 đồng.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phạm Hồng P theo bản cáo trạng số 288/KSĐT-HS ngày 27/10/2017 và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Hồng P phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Hồng P (M) từ 08 năm tù đến 09 năm tù.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự:

- Buộc bị cáo Phạm Hồng P phải bồi thường cho vợ chồng ông Võ Tấn D và bà Hồ Thị N, số tiền: 75.000.000 đồng (số tiền P chiếm đoạt để xin việc cho Võ Thị Bích T và làm bằng tốt nghiệp trung học phổ thông cho Võ Tấn C); bồi thường cho vợ chồng ông Mai Văn L và bà Võ Thị L, số tiền: 120.000.000 đồng (số tiền P chiếm đoạt để xin việc cho Mai Thị L); bồi thường cho bà Dương Thị L, số tiền: 31.500.000 đồng (số tiền P chiếm đoạt để xin việc cho Nguyễn Văn Đ); bồi thường cho bà Bùi Thị Kim P, số tiền: 5.500.000 đồng (số tiền P chiếm đoạt để xin việc cho bà P, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Đình N và chị Hoàng Thị T).

- Buộc bị cáo Phạm Hồng P phải trả số tiền: 500.000 đồng cho bà Bùi Thị Kim P (số tiền P thuê phòng nghỉ, tại nhà nghỉ C).

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận và trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ pháp lý kết luận: Hành vi của bị cáo Phạm Hồng P đã gian dối tự bịa đặt thông tin sai sự thật về việc Bệnh viện mắt Tây nguyên có tuyển dụng nhân sự và bị cáo là trưởng phòng nhân sự, là bác sỹ bệnh viện, có khả năng xin được việc cho người khác làm cho vợ chồng ông Võ Tấn D, bà Hồ Thị N đưa cho bị cáo số tiền 75.000.000 đồng; vợ chồng ông Mai Văn L, bà Võ Thị L đưa cho bị cáo số tiền 120.000.000 đồng; bà Dương Thị L đưa cho bị cáo số tiền: 31.500.000 đồng; bà Bùi Thị Kim P đưa cho bị cáo số tiền: 5.500.000 đồng. Bị cáo đã chiếm đoạt tất cả số tiền nói trên của các bị hại, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại: 232.000.000 đồng, là phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại Điều 139 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà

còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

.....

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm.

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng”.

Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng đã gây tác hại xấu cho xã hội, hành vi phạm tội của bị cáo không những đã chiếm đoạt trái phép tài sản của các bị hại mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương và gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Mặc dù bản thân bị cáo không phải là nhân viên, là Bác sỹ bệnh viện mắt Tây Nguyên và bệnh viện mắt Tây Nguyên cũng không có tuyển dụng nhân sự, đồng thời bị cáo không có khả năng xin được việc làm cho người khác. Nhưng chỉ vì tham lam tư lợi, lười biếng lao động, muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã coi thường pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo đã gian dối nói bị cáo là Trưởng phòng nhân sự, là bác sỹ của Bệnh Viện làm cho các bị hại tin tưởng bị cáo đã giao tiền cho bị cáo cho nên đối với hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Buộc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài nhất định nhằm cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Xét tình tiết giảm nhẹ, tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội. Đây là tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự:

Tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa các bị hại: Vợ chồng ông Võ Tấn D, bà Hồ Thị N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền: 75.000.000 đồng; vợ chồng ông Mai Văn L, bà Võ Thị L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền: 120.000.000 đồng; bà Dương Thị L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền: 31.500.000 đồng; bà Bùi Thị Kim P yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền: 6.000.000 đồng (Trong đó 5.500.000 đồng là tiền bị cáo lừa xin việc và 500.000 đồng tiền thuê phòng nghỉ).

Xét yêu cầu của các bị hại là chính đáng phù hợp với các quy định của pháp luật nên buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Phạm Hồng P (M) phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Hồng P (M) 08 (Tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 606 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Hồng P phải bồi thường cho vợ chồng ông Võ Tấn D, bà Hồ Thị N, số tiền: 75.000.000 đồng; bồi thường cho vợ chồng ông Mai Văn L, bà Võ Thị L, số tiền: 120.000.000 đồng; bồi thường cho bà Dương Thị L, số tiền: 31.500.000 đồng; bồi thường cho bà Bùi Thị Kim P, số tiền: 6.000.000 đồng.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án.

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Phạm Hồng P phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 11.625.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo; những người bị hại những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú của người những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Nơi nhận :

- VKSND tỉnh Đắk Lắk; VKSND TP.BMT;
- TAND tỉnh Đắk Lắk; Công an TP.BMT;
- CCTHADS TP.B, tỉnh Đắk Lắk;
- THA phạt tù (để thi hành);
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; Các đương sự
- Lưu: HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị My My